

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY ĐÔ
KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

(Kèm theo Quyết định số 133/QĐ-ĐHTĐ ngày 25 tháng 3 năm 2020)

Cần Thơ, 2020



1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh được điều chỉnh định kỳ 2 năm/ lần. Năm 2018, Khoa tiến hành rà soát điều chỉnh cập nhật chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra theo công văn số 1982/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ. Chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh được kế thừa từ chương trình đào tạo trước đó và được bổ sung, tinh gọn, phát triển để đáp ứng với yêu cầu mới của giáo dục đại học, của người học và của các bên liên quan. Với sự thay đổi của môi trường cũng như tập hợp những ý kiến góp ý của đoàn chuyên gia đánh giá ngoài và ý kiến góp ý của các bên liên quan, Khoa Quản trị kinh doanh tiến hành rà soát, điều chỉnh và cập nhật chương trình đào tạo vào năm 2020

Người học tham gia CTĐT ngành Quản trị kinh doanh được đào tạo các kiến thức, kỹ năng và thái độ để trở thành một cử nhân Quản trị kinh doanh có tư tưởng chính trị vững vàng, kiến thức chuyên môn sâu rộng có thể đảm trách được các công việc trong lĩnh vực quản trị kinh doanh và đáp ứng yêu cầu của xã hội.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh

Tên văn bằng: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Mã ngành: 7430101

Tên đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Tây Đô

Cơ sở tổ chức giảng dạy: Khoa Quản trị kinh doanh

Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: Cử nhân

Trình độ: Đại học

Thời gian: 04 năm (8 học kỳ - tối đa 08 năm)

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Sứ mạng – Tầm nhìn – Mục tiêu phát triển của Trường Đại Học Tây Đô

2.1.1. Sứ mạng

Sứ mạng của Đại học Tây Đô là đào tạo nguồn nhân lực có trình độ, có khả năng ứng dụng khoa học đa lĩnh vực, góp phần thúc đẩy phát triển KT - XH vùng ĐBSCL, thông qua việc truyền tải tri thức bằng các phương thức linh hoạt nhất cho người học.

2.1.2. Tầm nhìn

Trường ĐH Tây Đô phấn đấu đến năm 2035 trở thành trường đại học tư thục đa ngành hàng đầu khu vực ĐBSCL và các tỉnh phía Nam với định hướng ứng dụng phục vụ cộng đồng. Đến năm 2035, hoạt động đào tạo một số ngành đại học chính quy của Trường sẽ phát triển ngang tầm khu vực Đông Nam Á.

2.1.3. Mục tiêu phát triển đến 2035

Là xây dựng và phát triển Trường Đại học Tây Đô thành một cơ sở đào tạo nguồn nhân lực đại học và sau đại học có uy tín, chất lượng đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch, kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, chăm sóc sức khỏe cho người và vật nuôi vùng ĐBSCL và cả nước an toàn, bền vững.

2.2. Sứ mạng – tầm nhìn – mục tiêu Khoa Quản trị kinh doanh

2.2.1. Sứ mạng:

Cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực chất lượng cao theo định hướng nghiên cứu kết hợp thực hành quản trị kinh doanh đáp ứng nhu cầu phát triển chất lượng, hiệu quả và bền vững; nghiên cứu và chuyển giao các kết quả nghiên cứu cho các tổ chức, doanh nghiệp và xã hội; tạo môi trường thuận lợi để sáng tạo, nuôi dưỡng, phát triển tài năng trong các lĩnh vực quản trị kinh doanh hiện đại.

2.2.2. Tầm nhìn

Trở thành khoa theo định hướng nghiên cứu ứng dụng được xếp hạng ngang tầm với các khoa quản trị kinh doanh tiên tiến trong vùng và cả nước, trong đó có một 2 ngành được kiểm định bởi các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đại học cấp trường và bộ giáo dục

2.2.3. Mục tiêu:

2.2.3.1. Mục tiêu đào tạo:

Đào tạo ra những học viên, sinh viên năng động và có đầy đủ sức khỏe; có kiến thức chuyên môn vững vàng; có kiến thức về chính trị xã hội, pháp luật và công nghệ thông tin; có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, điều hành và quản lý giám sát các hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh tại các đơn vị tổ chức/ doanh nghiệp trong môi trường luôn thay đổi.

2.2.3.2. Mục tiêu phát triển đến năm 2023

- Mở rộng ngành nghề đào tạo cả bậc đại học và sau đại học.
- Tăng quy mô đào tạo so với hiện tại 20%
- Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên.

- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên. Nâng cao cả về số lượng và chất lượng.
- Thực hiện kiểm định CTĐT bậc thạc sĩ tiến tới đào tạo bậc tiến sĩ ngành quản trị kinh doanh

2.3. Mục tiêu của chương trình

2.3.1 Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo theo tín chỉ ngành Quản trị kinh doanh nhằm đào tạo các Cử nhân Quản trị kinh doanh có đủ kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc tốt ở các công việc liên quan đến quản trị kinh doanh trong doanh nghiệp và các tổ chức.

2.3.2 Mục tiêu cụ thể

Cử nhân Quản trị kinh doanh phải đạt chuẩn về kiến thức, kỹ năng, tố chất và có thể đảm nhận các công việc có liên quan đến ngành đào tạo như sau:

❖ Kiến thức:

- G1.** Người học được trang bị những kiến thức cơ bản về pháp luật chính trị, toán-tin, khoa học xã hội, tự nhiên, tài chính, kế toán...
- G2.** Người học được trang bị kiến thức chuyên sâu cả lý thuyết và thực tế trong các lĩnh vực khác nhau của ngành quản trị kinh doanh để hoạch định, thực thi, điều hành và quản lý các công việc liên quan đến hoạt động sản xuất – kinh doanh ở các doanh nghiệp/ tổ chức trong môi trường luôn thay đổi.
- G3.** Người học được trang bị kiến thức để giải quyết vấn đề trong doanh nghiệp/tổ chức liên quan đến hoạt động sản xuất – kinh doanh.

❖ Kỹ năng:

- G4.** Kỹ năng phân tích, đánh giá và thực hiện công việc tác nghiệp liên quan đến hoạt động sản xuất – kinh doanh trong doanh nghiệp/ tổ chức.
- G5.** Kỹ năng giao tiếp, đàm phán - thương lượng, xử lý và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình vận hành hệ thống của doanh nghiệp/ tổ chức.
- G6.** Kỹ năng hoạch định, tổ chức, điều hành, kiểm tra, kiểm soát các vấn đề liên quan đến chiến lược, kế hoạch kinh doanh, marketing, bán hàng.
- G7.** Sử dụng tốt ngoại ngữ và công nghệ thông tin để phục vụ cho công việc.
- G8.** Tư duy, nhận thức và giải quyết vấn đề mang tính độc lập cao.
- G9.** Người học có thể tự khởi sự kinh doanh và tạo việc làm cho người khác.

❖ **Thái độ:**

G10. Năng động, cầu tiến, sáng tạo, có tính kỷ luật và tác phong công nghiệp.

G11. Tuân thủ quy định của pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm đối với xã hội

3. CHUẨN ĐẦU RA

3.1 Kiến thức

3.1.1 Kiến thức chung

LO1. Nắm rõ một cách hệ thống các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, các kiến thức về toán học, kiến thức xã hội, khoa học tự nhiên để vận dụng trong học tập, nghiên cứu vào lĩnh vực kinh tế;

LO2. Sử dụng tốt ngoại ngữ và công nghệ thông tin.

3.1.2 Kiến thức chuyên môn

LO3. Nắm vững các kiến thức cơ bản về lĩnh vực kinh tế, thị trường và kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh và các lĩnh vực liên quan như kế toán, tài chính, marketing...;

LO4. Thực thi các hoạt động điều hành và quản lý các công việc liên quan đến hoạt động sản xuất – kinh doanh tại các bộ phận của doanh nghiệp/ tổ chức;

LO5. Nhận biết, phân tích và giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh tại các bộ phận trong doanh nghiệp/tổ chức; phân tích, đánh giá, xây dựng và giám sát các kế hoạch, chiến lược kinh doanh trong doanh nghiệp/tổ chức.

3.2. Kỹ năng

3.2.1 Kỹ năng mềm

LO6. Sử dụng hiệu quả các kỹ năng mềm (giao tiếp, làm việc nhóm, viết - đọc và trình bày, thuyết trình, đàm phán thương lượng, ...) vào công việc thực tế;

LO7. Sử dụng tốt ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và tin học tương đương trình độ Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao.

3.2.2 Kỹ năng nghề nghiệp

LO8. Thu thập, xử lý, phân tích, đánh giá thông tin để giải quyết vấn đề liên quan đến các hoạt động trong doanh nghiệp/ tổ chức;

LO9. Vận dụng kỹ năng quản trị trong việc thực hiện hoạt động tác nghiệp liên quan đến các hoạt động trong doanh nghiệp/tổ chức;

LO10. Thực hiện được việc hoạch định, tổ chức, thực thi, kiểm tra, kiểm soát các vấn đề liên quan đến hoạt động trong doanh nghiệp/ tổ chức;

LO11. Khả năng ứng biến tốt trong môi trường thay đổi, mềm dẻo, ứng biến, linh hoạt với nhiều điều kiện, hoàn cảnh đa dạng;

LO12. Khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân;

LO13. Có thể lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

3.3 Mức tự chủ và trách nhiệm

LO14. Có phẩm chất đạo đức tốt; có ý thức và tinh thần trách nhiệm công dân;

LO15. Dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

Bảng 1: Ma trận tích hợp Mục tiêu và CĐR của chương trình

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO	CHUẨN ĐẦU RA														
	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	K1	K2	K3	K4	K5	S6	S7	S8	S9	S10	S11	C12	C13	C14	C15
G1	X														
G2			X	X											
G3					X										
G4								X							
G5						X									
G6									X		X				X
G7		X					X								
G8														X	
G9										X					
G10												X	X		
G11												X			

4. ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP, VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Bắt đầu với các vị trí nhân viên, chuyên viên trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo như: kinh doanh, marketing, bán hàng, chăm sóc khách hàng, nghiên cứu thị trường,... và trong thời gian ngắn có thể đảm đương được các vị trí quản lý cấp trung và phát triển lên cấp cao khi hội tụ đủ các điều kiện cần thiết về kinh nghiệm, bản lĩnh, khả năng trong các doanh nghiệp và cơ quan quản lý và các tổ chức phi lợi nhuận.
- Làm việc trong môi trường áp lực cao, môi trường làm việc đa văn hoá.
- Có khả năng nghiên cứu, học tập tiếp ở bậc cao hơn.

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.2. Thông tin tuyển sinh:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh Đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Tây Đô. Công dân Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây đều được đăng ký dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương;
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định hiện hành của Liên Bộ Y tế - Giáo dục và Đào tạo;
- Nộp đầy đủ, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

❖ **Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước.

❖ **Phương thức tuyển sinh:**

▪ **Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia:**

Sử dụng kết quả kỳ thi THPT Quốc gia năm 2018 để xét tuyển.

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Đã tốt nghiệp THPT và tổng điểm thi của 3 môn thi (theo thang điểm 10) thuộc nhóm môn xét tuyển phải lớn hơn hoặc bằng ngưỡng đảm bảo chất lượng do nhà trường quy định sau khi có kết quả thi THPT Quốc Gia.

▪ **Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở bậc THPT (xét học bạ).**

Có hai hình thức của phương thức xét học bạ:

- **Hình thức 1:** Xét dựa vào kết quả học tập của cả năm học lớp 12 và kết quả tốt nghiệp THPT với các tiêu chí sau:

- + Tốt nghiệp THPT.
- + Điểm trung bình chung cả năm lớp 12 của 03 môn thuộc nhóm các môn dùng để lấy kết quả xét tuyển.
- + Cách tính điểm xét tuyển (ĐXT):

$$\text{ĐXT} = \text{Điểm trung bình chung (ĐTBC)} + \text{Điểm ưu tiên (ĐUTXT)}.$$

$$\text{ĐTBC} = (\text{ĐTBC cả năm lớp 12 môn 1} + \text{ĐTBC cả năm lớp 12 môn 2} + \text{ĐTBC cả năm lớp 12 môn 3}) \div 3.$$

$$\text{ĐUTXT} = (\text{điểm ưu tiên khu vực} + \text{điểm ưu tiên đối tượng}) \div 3.$$

(ĐTBC và ĐXT được làm tròn đến 1 chữ số thập phân)

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào điểm trung bình chung của 03 môn thuộc nhóm các môn dùng để lấy kết quả xét tuyển đạt từ 6,0 điểm trở lên.

- **Hình thức 2:** Xét dựa vào kết quả học tập cả năm lớp 10, cả năm lớp 11, học kỳ I lớp 12 và kết quả tốt nghiệp THPT với các tiêu chí sau:

- + Tốt nghiệp THPT.
- + Điểm trung bình chung cả năm lớp 10, cả năm lớp 11 và học kỳ I lớp 12 của 03 môn thuộc nhóm các môn dùng để lấy kết quả xét tuyển.
- + Cách tính điểm xét tuyển (ĐXT):

$$\text{ĐXT} = \text{ĐTBTC} + \text{ĐƯTXT}$$

$$\text{ĐTBTC} = (\text{ĐTB môn 1} + \text{ĐTB môn 2} + \text{ĐTB môn 3}) \div 3$$

$$\text{ĐTB Môn 1} = (\text{ĐTB cả năm lớp 10 môn 1} + \text{ĐTB cả năm lớp 11 môn 1} + \text{ĐTB học kỳ I lớp 12 môn 1}) \div 3.$$

$$\text{ĐTB Môn 2} = (\text{ĐTB cả năm lớp 10 môn 2} + \text{ĐTB cả năm lớp 11 môn 2} + \text{ĐTB học kỳ I lớp 12 môn 2}) \div 3.$$

$$\text{ĐTB Môn 3} = (\text{ĐTB cả năm lớp 10 môn 3} + \text{ĐTB cả năm lớp 11 môn 3} + \text{ĐTB học kỳ I lớp 12 môn 3}) \div 3.$$

$$\text{ĐƯTXT} = (\text{điểm ưu tiên khu vực} + \text{điểm ưu tiên đối tượng}) \div 3.$$

(ĐTBTC và ĐXT được làm tròn đến 1 chữ số thập phân)

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào điểm trung bình chung của 03 môn thuộc nhóm các môn dùng để lấy kết quả xét tuyển đạt từ 6,0 điểm trở lên.

▪ **Tổ hợp xét tuyển:**

- + Khối A00 (Toán, Lý, Hóa)
- + Khối A01 (Toán, Lý, Anh)
- + Khối D01 (Toán, Văn, Anh)
- + Khối C04 (Toán, Văn, Địa lý)

5.3. Quy trình đào tạo:

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trường trường Đại học Tây Đô), tạo điều kiện để sinh viên tích cực, chủ động thích ứng với quy trình đào tạo để đạt được những kết quả tốt nhất trong học tập, rèn luyện.

Chương trình đào tạo được thiết kế 8 học kỳ tương ứng với 4 năm học, gồm 141 tín chỉ. Trong đó thời gian học tập chính thức 4 năm, thời gian học tập tối đa 8 năm.

Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ chính khoảng 16 tuần học, 2 tuần thi, 1 tuần dự trữ và học kỳ phụ khoảng 8 tuần.

5.4. Điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày

17/9/2014 và được sửa đổi theo quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô) và Quy định các kỹ năng chuẩn đầu ra cho sinh viên trường Đại học Tây Đô.

- a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- b) Tích lũy đủ số tín chỉ, học phần quy định theo chương trình đào tạo;
- c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên;
- d) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – an ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất.
- e) Đạt chuẩn kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp và được cấp chứng chỉ theo quy định nhà trường.
- f) Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

6. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Chiến lược giảng dạy và học tập của Khoa Quản trị kinh doanh tiếp cận dựa trên chuẩn đầu ra, ở cấp độ chương trình, từ chuẩn đầu ra mong đợi của chương trình đào tạo, thiết kế chuẩn đầu ra học phần. Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến trình giảng dạy: đề cương học phần, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá. Sau khi kết thúc học phần tiến hành đánh giá học phần và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra chương trình.

6.2. Chuẩn bị của giảng viên

- Giảng viên giảng dạy chương trình ngành Quản trị kinh doanh cần trang bị những kinh nghiệm dạy học khác nhau.
- Nắm rõ kiểu dạng lớp học mà mình đang giảng dạy (lớp học có lý thuyết hay thực hành; học phần bắt buộc, học phần tự chọn hay học phần thay thế tốt nghiệp).
- Nắm rõ kiểu dạy học (dạy học liên môn, dạy học trực tuyến hay dạy học tích hợp).
- Hiểu rõ sinh viên của mình (sinh viên năm nhất, năm hai, năm ba hay năm cuối đại học).
- Hiểu rõ về chính sách trong học tập.

6.3. Các phương pháp/chiến lược dạy học

- Phương pháp thích nghi với người học, đặt người học là trung tâm của quá trình giảng dạy;

- Thay đổi cách thức hoạt động dạy và học của GV và SV: Người học cần nghĩ nhiều hơn, làm nhiều hơn, thảo luận nhiều hơn, với trạng thái thoải mái, hứng thú hơn, trong mối quan hệ thân thiện dân chủ để thực hiện tốt mục tiêu đào tạo;

- Các phương pháp được sử dụng chủ yếu: giảng dạy trực tiếp, giảng dạy gián tiếp, học tập trải nghiệm, giảng dạy tương tác, và học tập độc lập.

- Danh sách chiến lược giảng dạy và phương pháp giảng dạy sử dụng trong chương trình đào tạo được mô tả như bảng sau:

Bảng 2. Chiến lược giảng dạy và học tập

Chiến lược giảng dạy	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
Giảng dạy trực tiếp	Đa số các phần lý thuyết được dạy theo phương pháp thuyết trình, thuyết giảng, vấn đáp, đặt câu hỏi gợi ý, giao bài tập về nhà, kiểm tra khả năng tự học của sinh viên thông qua bài tập, thảo luận nhóm, Seminar	Thuyết giảng Câu hỏi gợi ý, chuẩn đoán Luyện tập và thực hành
Giảng dạy gián tiếp	Một số học phần giảng dạy gián tiếp không có sự can thiệp rõ ràng của giảng viên như thực hiện chuyên đề ngành, thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp	Giải quyết vấn đề Nghiên cứu tình huống Xây dựng ý tưởng
Học tập trải nghiệm	Các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành có thực hành	Mô phỏng Thực tế
Giảng dạy tương tác	Được thực hiện hầu hết trong các học phần của chương trình đào tạo. Sinh viên thảo luận nhóm, thuyết trình, thực tế tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp	Tranh luận Thảo luận Giải quyết vấn đề Động não
Học tập độc lập	Hoạt động thực tế tốt nghiệp, hoạt động tự học, khóa luận tốt nghiệp	Kế hoạch cá nhân Kế hoạch nghiên cứu

6.4. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm/1 lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng được nhu cầu của người học và các bên có liên quan.

- Mỗi học kỳ, Khoa xây dựng kế hoạch dự giờ của GV đặc biệt là GV trẻ để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy nâng cao năng lực GV;
- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, đạo đức và tác phong của GV.
- Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

Ma trận tích hợp phương pháp giảng dạy – chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

TT	Phương pháp giảng dạy	CHUẨN ĐẦU RA															
		Kiến thức					Kỹ năng									Mức tự chủ và trách nhiệm	
		LO1	LO2	LO3	LO4	LO5	LO6	LO7	LO8	LO9	LO10	LO11	LO12	LO13	LO14	LO15	
1	Thuyết giảng	x	x	x	x	x											
2	Câu hỏi gợi mở	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
3	Học theo tình huống	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
4	Thảo luận nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
5	Bài tập nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
6	Thực tập thực tế		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
7	Giải quyết vấn đề		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
8	Báo cáo nhóm		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	

7. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

7.2. Quy trình đánh giá

Phương pháp đánh giá sinh viên dựa trên chuẩn đầu ra học phần, và chuẩn đầu ra học phần phản ánh mức độ đạt được của chuẩn đầu ra học phần. Việc đánh giá này phải đảm bảo tính giá trị, tin tưởng và công bằng. Đánh giá sinh viên bao gồm thi đầu vào, khảo sát sinh viên về học phần giữa kỳ và đánh giá tổng thể cuối kỳ. Các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn, bài kiểm tra ngắn, báo cáo thực tế tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, kiểm tra thực hành, phân tích tình huống. Chuẩn đánh giá có thể dựa vào các rubrics học phần. Việc cho điểm, phản hồi của giảng viên, sinh viên được thực hiện theo quy trình.

7.3. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng.
- Trọng số quy định:
 - o Điểm giữa kỳ, chuyên cần, bài tập, ... : 30 - 40%
 - o Điểm thi kết thúc học phần: 60% - 70%. Hình thức thi theo học phần cụ thể ghi trong đề cương chi tiết. Tiêu chí đánh giá bài thi theo đáp án của giảng viên ra đề.

7.4. Thang điểm

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trường trường Đại học Tây Đô).

Bảng 3. Thang điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần:

Xếp loại học phần	Điểm số theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số theo thang điểm 4
Xuất sắc	9,0–10,0	A	4,0
Giỏi	8,0–8,9	B+	3,5
Khá	7,0–7,9	B	3,0
Trung bình Khá	6,5–6,9	C+	2,5
Trung bình	5,5–6,4	C	2,0
Trung bình Yếu	5,0–5,4	D+	1,5
Yếu	4,0–4,9	D	1,0
Kém	nhỏ hơn 4,0	F	0,0

Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A : là ĐTBCHK, ĐTB CNH hoặc ĐTBCTL.

a_i : là điểm của học phần thứ i .

n_i : là số tín chỉ của học phần thứ i .

n : là tổng số học phần.

7.5. Một số Rubric đánh giá trong chương trình

7.5.3. Rubric đánh giá thuyết trình

STT	TIÊU CHÍ	KHÔNG ĐẠT	ĐẠT	TỐT	RẤT TỐT
		1	2	3	4
1	Nội dung	Sai về nội dung chủ đề, không đầy đủ về nội dung	Đúng và đầy đủ nội dung chủ đề bài thuyết trình	Đúng nội dung chủ đề có liên hệ mở rộng.	Phân tích nội dung trọng tâm chủ đề. Liên hệ nội dung với thực tiễn (nếu có).
2	Cách thiết kế bài thuyết trình	<ul style="list-style-type: none"> - Có nhiều lỗi trong câu, từ. - Định dạng không phù hợp về font, size. - Thiếu những hiệu ứng cần thiết. 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phong dễ hiểu, không có lỗi chính tả. - Định dạng phù hợp. - Màu sắc đơn điệu, chưa nhấn mạnh trọng tâm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phong dễ hiểu, không có lỗi chính tả. - Định dạng phù hợp. - Hình ảnh, biểu bảng rõ ràng sắc nét. - Hiệu ứng hợp lý, màu sắc đẹp, có nhấn mạnh trọng tâm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phong dễ hiểu, không có lỗi chính tả. - Định dạng phù hợp. - Hình ảnh, biểu bảng rõ ràng sắc nét. - Hiệu ứng hợp lý, màu sắc đẹp, có nhấn mạnh trọng tâm. - Có các đường link minh họa hoặc link giữa các slide hợp lý.
3	Tác phong trình bày	Trình bày không tự tin, không suôn sẻ, không rõ ràng.	Trình bày tự tin, suôn sẻ, rõ ràng.	Trình bày tự tin, nhiệt huyết, mạch lạc, rõ ràng, sử dụng tốt ngôn ngữ nói và hình thể.	Trình bày chuyên nghiệp, sử dụng tốt ngôn ngữ nói và hình thể, có tương tác với người nghe.
4	Phản hồi, xử lý ý kiến phản biện	Không xác định mục tiêu, nội dung cần phản biện.	Xác định được nội dung câu hỏi phản biện nhưng trả lời	Trả lời được mục tiêu câu hỏi đề ra nhưng chưa minh họa được	Trả lời được câu hỏi phản biện mở rộng, nâng cao. Liên hệ ví dụ minh họa điển

			chưa rõ ràng cụ thể.	bằng ví dụ điển hình.	hình cho câu trả lời.
--	--	--	-------------------------	--------------------------	--------------------------

7.5.4. Rubric đánh giá báo cáo khóa luận tốt nghiệp

Tiêu chí	Tỉ lệ %	Không đạt (0-1 điểm)	Gần đạt (2-4 điểm)	Đạt (5-8 điểm)	Tốt (9-10 điểm)
1. Hình thức	10%	Không đạt số trang quy định Định dạng sai	Đạt số trang quy định (≥ 40 trang). Định dạng đúng quy định	Đạt số trang quy định (≥ 40 trang). Định dạng đúng quy định Phù hợp với văn phong khoa học.	Đạt số trang quy định (≥ 40 trang). Định dạng đúng quy định Phù hợp với văn phong khoa học. Trình bày rõ ràng, hợp logic.
2. Cấu trúc	10%	Không đủ các chương	Đầy đủ các chương	Đầy đủ các chương và các phần liên quan	Đầy đủ các chương và các phần liên quan Bố cục logic
3. Nội dung					
3.1. Tổng quan	15%	Không nêu được mục tiêu và không lược khảo tài liệu	- Giới thiệu tình hình thực tế của vấn đề nghiên cứu - Nêu được tính cấp thiết của đề tài. - Nêu được mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể. - Xác định các khái	- Giới thiệu tình hình thực tế của vấn đề nghiên cứu - Nêu được tính cấp thiết của đề tài. - Nêu được mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể. - Lược khảo đầy đủ và phù hợp về những nghiên cứu trước đây về vấn đề có liên quan đến đề tài nghiên	- Giới thiệu tình hình thực tế của vấn đề nghiên cứu chính xác, rõ ràng, súc tích. - Nêu được tính cấp thiết của đề tài. - Mục tiêu cụ thể có tương thích với mục tiêu tổng quát - Lược khảo có phân tích, đầy đủ và phù hợp về những nghiên cứu trước đây về vấn đề có liên quan đến đề tài nghiên cứu

			<ul style="list-style-type: none"> niệm làm cơ sở cho đề tài 	<ul style="list-style-type: none"> cứ - Kế thừa thích hợp những tri thức của các nghiên cứu trước đây để tiến hành nghiên cứu (các khái niệm, các lý thuyết...). - Xác định các khái niệm làm cơ sở cho đề tài - Trình bày mạch lạc, rõ ràng 	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu bật được những khiếm khuyết của các nghiên cứu này đây so với thực tế (để chứng minh tính thiết yếu khoa học). - Kế thừa thích hợp những tri thức của các nghiên cứu trước đây để tiến hành nghiên cứu (các khái niệm, các lý thuyết...). - Xác định các khái niệm làm cơ sở cho đề tài. - Trình bày mạch lạc, rõ ràng.
<p>3.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu</p>	15%	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa xác định được đối tượng nghiên cứu - Có mô tả phương pháp xây dựng dữ liệu nghiên cứu nhưng không tương thích với mục tiêu. - Chưa đạt cỡ mẫu 	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được đối tượng nghiên cứu. - Có mô tả phương pháp xây dựng dữ liệu nghiên cứu nhưng chưa rõ ràng. - Đạt cỡ mẫu nghiên cứu. - Có mô tả công cụ thực nghiệm. - Có mô tả phương pháp xử lý dữ liệu 	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được đối tượng nghiên cứu cụ thể, rõ ràng. - Có mô tả phương pháp xây dựng dữ liệu nghiên cứu rõ ràng. - Đạt cỡ mẫu nghiên cứu và mang tính đại diện. - Mô tả công cụ thực nghiệm chính xác. - Mô tả phương pháp xử lý dữ liệu nghiên cứu đầy đủ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được đối tượng nghiên cứu cụ thể, rõ ràng. - Mô tả phương pháp xây dựng dữ liệu nghiên cứu rõ ràng, tương thích với mục tiêu nghiên cứu. - Đạt cỡ mẫu nghiên cứu và mang tính đại diện. - Mô tả công cụ thực nghiệm chính xác, có tương thích với mục tiêu nghiên cứu. - Mô tả phương pháp xử lý dữ liệu nghiên cứu đầy đủ. - Tính khách quan, chính xác và khoa học

		<p> nghiên cứu.</p>	<p> nghiên cứu nhưng chưa đầy đủ. - Dữ liệu nghiên cứu đầy đủ (định lượng và định tính).</p>	<p> - Tính khách quan, chính xác và khoa học của PP xử lý. - Dữ liệu nghiên cứu đầy đủ (định lượng và định tính).</p>	<p> của PP xử lý. - Lý giải về tính tương thích với giả thuyết nghiên cứu và mục tiêu nghiên cứu. - Dữ liệu nghiên cứu đầy đủ (định lượng và định tính) - Trình bày mạch lạc, rõ ràng.</p>
<p>3.3. Kết quả nghiên cứu</p>	<p>30%</p>	<p> Dữ liệu và kết quả nghiên cứu không tương thích với mục tiêu</p>	<p> - Có mô tả tiến trình thực hiện nghiên cứu. - xử lý dữ liệu nghiên cứu chưa rõ ràng. - Có trình bày kết quả nghiên cứu.</p>	<p> - Có mô tả tiến trình thực hiện nghiên cứu. - Tính xác đáng của kết quả xử lý dữ liệu nghiên cứu. - Trình bày kết quả nghiên cứu chính xác. - Trình bày giới hạn có nghĩa của kết quả đề tài (các điều kiện để kết quả có giá trị).</p>	<p> - Mô tả tiến trình thực hiện nghiên cứu rõ ràng, logic. - Tính xác đáng của kết quả xử lý dữ liệu nghiên cứu. - Trình bày kết quả nghiên cứu chính xác, rõ ràng, súc tích. - Có đối chiếu với giả thuyết nghiên cứu và các kết quả nghiên cứu trước đây. - Trình bày giới hạn có nghĩa của kết quả đề tài (các điều kiện để kết quả có giá trị). - Trình bày mạch lạc, rõ ràng.</p>
<p>3.4. Kết luận- Ý nghĩa</p>	<p>10%</p>	<p> Không khái quát được kết quả nghiên cứu</p>	<p> - Khái quát được kết quả nghiên cứu - Nghiên cứu chưa có ý nghĩa thực tiễn</p>	<p> - Khái quát được kết quả nghiên cứu - Nghiên cứu ý nghĩa thực tiễn</p>	<p> - Khái quát được kết quả nghiên cứu, mạch lạc, rõ ràng. - Nghiên cứu ý nghĩa thực tiễn có tính mới - Có thể khai thác các</p>

					hướng nghiên cứu, khác từ kết quả này.
4. Báo cáo	10%	<ul style="list-style-type: none"> - Tác phong không phù hợp - Slide báo cáo khó theo dõi - Không hiểu rõ nội dung trình bày, không trả lời được các câu hỏi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tác phong chuẩn mực. - slide báo cáo dễ nhìn - Hiểu vấn đề đang trình bày, trả lời chính xác <50% các câu hỏi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tác phong chuẩn mực, tự tin, trình bày rõ ràng lưu loát. - slide báo cáo dễ nhìn - Hiểu rõ vấn đề đang trình bày, trả lời chính xác 50% các câu hỏi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tác phong chuẩn mực, tự tin, trình bày rõ ràng lưu loát. - Silde báo cáo trình bày rõ ràng, logic, phản ánh cơ bản các nội dung báo cáo. - Hiểu rõ vấn đề đang trình bày, trả lời chính xác các câu hỏi.

Ma trận tích hợp phương pháp đánh giá – chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

TT	Phương pháp đánh giá	CHUẨN ĐẦU RA																
		Kiến thức					Kỹ năng										Mức tự chủ và trách nhiệm	
		LO1	LO2	LO3	LO4	LO5	LO6	LO7	LO8	LO9	LO10	LO11	LO12	LO13	LO14	LO15		
1	Điểm chuyên cần (10%)																	
	- Sinh viên tích cực tham gia phát biểu. - Sinh viên tham gia học tập đầy đủ 100% số tiết	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
2	Kiểm tra giữa kỳ (20%)																	
	- Hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm - Bài tập nhóm, báo cáo nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
3	Thi kết thúc học phần (70%)																	
	- Hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
	- Thời điểm: thi theo lịch thi học kỳ - Tính chất: bắt buộc																	

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Cấu trúc chương trình đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. Chương trình bố trí các môn học từ cơ bản đến nâng cao nhằm đảm bảo kiến thức được liên tục, mức độ tăng dần và đủ thời gian tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, thái độ cần thiết để làm việc. Đồng thời chương trình cũng được thiết kế bảo đảm tính chuyên sâu cho từng lĩnh vực chuyên ngành và có khả năng mở rộng cho nhiều chuyên ngành khác nhau.

Nội dung chương trình bao gồm các khối kiến thức cơ bản, cơ sở, chuyên ngành tốt nghiệp có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các môn học, đồng thời giúp người học nâng cao thêm các kỹ năng mềm, kỹ năng tin học, ngoại ngữ,... rèn luyện được tác phong, kỷ luật, an toàn lao động khi làm việc. Chương trình cũng đảm bảo tính linh hoạt giúp người học có thể chuyển đổi sang các ngành học khác ở năm thứ nhất, năm thứ hai hoặc học cùng lúc nhiều chương trình.

8.2. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ phải tích lũy **141 tín chỉ** (kể cả các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – An ninh).

STT	KHỐI KIẾN THỨC	SỐ TÍN CHỈ
1	Kiến thức giáo dục đại cương	46
2	Kiến thức giáo dục chuyên ngành	83
	- Kiến thức cơ sở khối ngành	26
	- Kiến thức ngành	39
	- Kiến thức tự chọn	18
3	- Thực tập tốt nghiệp - Thực hiện Khóa luận tốt nghiệp (hoặc Tiểu luận tốt nghiệp và học 02 học phần thay thế)	12
Tổng khối lượng		141

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	LT	BT/TH
Kiến thức giáo dục đại cương			35 + 11 TC		
1	030101769	Triết học Mac - Lênin	3	3	
2	030101825	Kinh tế chính trị Mac - Lênin	2	2	
3	030101826	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	
4	030101827	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	2	
5	030100665	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	
6	030100667	Pháp luật đại cương	2	2	
7	030100292	Luật kinh tế	2	2	
8	030100946	Tiếng Anh định hướng TOEIC 1	4	4	
9	030100947	Tiếng Anh định hướng TOEIC 2	4	4	
10	030101673	Tin học căn bản	3		3
11	0301001035	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền**	1		1
12	0301001036	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá**			
13	0301001037	Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông**			
14	0301000660	Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền**	1		1
15	0301001038	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá**			

16	0301001039	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông**			
17	0301001030	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền**			
18	0301000661	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá**	1		1
19	0301000662	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông**			
20	030100650	Giáo dục quốc phòng – An ninh **	8		8
21	030100668	Toán cao cấp	3	3	
22	030101080	Toán kinh tế	3	2	1
23	030101403	Thống kê kinh doanh	3	2	1
Kiến thức cơ sở khối ngành			26 TC		
1	030100236	Kinh tế vi mô	3	2	1
2	030100898	Kinh tế vĩ mô	3	2	1
3	030100233	Kinh tế quốc tế	3	2	1
4	030100367	Nguyên lý kế toán	3	2	1
5	030101051	Nguyên lý Marketing	3	2	1
6	030100446	Quản trị học	3	2	1
7	030100687	Thuế	2	1	1
8	030101830	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	2	1	1
9	030100390	Phân tích định lượng trong kinh doanh	3	2	1
Kiến thức ngành			57 TC		
1. Phần bắt buộc			39 TC		
1	030101619	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	3	0
2	030101620	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3	3	0
3	030100335	Nghiên cứu Marketing	3	2	1

4	030100489	Tâm lý và hành vi khách hàng	3	3	0
5	030101414	Quản trị Marketing	3	2	1
6	030100461	Quản trị thương hiệu	3	2	1
7	030100440	Quản trị chiến lược	3	2	1
8	030101247	Lập và phân tích dự án	3	2	1
9	030100456	Quản trị nguồn nhân lực	3	2	1
10	030100439	Quản trị chất lượng	3	2	1
11	030100460	Quản trị tài chính	3	2	1
12	030100459	Quản trị sản xuất	3	2	1
13	030100493	Thanh toán quốc tế	3	2	1
14	030101831	Thực tập nghề nghiệp	4	0	4
2. Phần tự chọn			15 TC		
1	030100438	Quản trị bán hàng	3	2	1
2	030100490	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	2	1	1
3	030100376	Nhượng quyền thương mại	2	2	0
4	030100605	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	3	3	0
5	030101832	Truyền thông Marketing	3	2	1
6	030100445	Quản trị hệ thống thông tin	2	1	1
7	030100443	Quản trị cung ứng và Logistic	3	2	1
8	030101186	Quản trị sự thay đổi	2	2	0
9	030101404	Tiếp thị số (Internet Marketing)	3	2	1
10	030101833	Marketing ứng dụng	3	2	1
11	030100314	Marketing quốc tế	2	2	0

12	030100310	Marketing du lịch	2	2	0
13	030101834	Giao tiếp trong kinh doanh	2	2	0
14	030101835	Marketing công nghiệp	2	1	1
15	030101757	Quản trị doanh nghiệp	2	1	1
16	030101836	Khởi sự kinh doanh	2	1	1
17	030101837	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	3	2	1
18	030101846	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	1	1
19	030100457	Quản trị rủi ro	3	2	1
20	030101847	Lý thuyết tài chính tiền tệ	2	2	0
21	030100499	Thị trường tài chính	2	2	0
22	030101848	Lý thuyết bảo hiểm	2	2	0
23	030100453	Quản trị kinh doanh quốc tế	2	1	1
24	0301000161	Hành vi tổ chức	3	3	0
3. Tốt nghiệp:			12 TC		
1	030101755	Thực tập tốt nghiệp	4		4
2	0301001759	2.1 Thực hiện khóa luận tốt nghiệp	8		8
		2.2 Thực hiện tiểu luận tốt nghiệp và học 02 học phần thay thế			
	0301001758	2.2.1 Thực hiện tiểu luận tốt nghiệp	4		4
		2.2.2 Học phần thay thế (sinh viên chọn 2 học phần trong những học phần tự chọn)	4	2	2

Ma trận tích hợp chuẩn đầu ra học phần – chuẩn đầu ra chương đào tạo

9. Kế hoạch giảng dạy

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
			Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
HỌC KỲ 1								

1	030100667	Pháp luật đại cương	2	30	2	30		
2	030101673	Tin học căn bản	3	45			3	90
3	0301001035	Giáo dục thể chất 1**	1	15			1	30
4	030100650	Giáo dục quốc phòng**	8	120			8	240
5	030100668	Toán cao cấp	3	45	3	45		
6	030100446	Quản trị học	3	45	2	30	1	30
	Cộng		11+9	300	7	105	13	390

HỌC KỲ 2

1	030101403	Thống kê kinh doanh	3	45	2	30	1	30
2	030100236	Kinh tế vi mô	3	45	2	30	1	30
3	0301000650	Giáo dục thể chất 2**	1	15			1	30
4	030101051	Nguyên lý Marketing	3	45	2	30	1	30
5	030101769	Triết học Mac - Lênin	3	45	3	45		
6	030100292	Luật kinh tế	2	30	2	30		
7	030100946	Tiếng Anh định hướng TOEIC 1	4	60	4	60		
	Cộng		18+1	285	15	225	4	120

HỌC KỲ 3

1	030100367	Nguyên lý kế toán	3	45	2	30	1	30
2	030101825	Kinh tế chính trị Mac - Lênin	2	30	2	30		
3	030101826	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	2	30		
4	030100947	Tiếng Anh định hướng TOEIC 2	4	60	4	60		
5	030100898	Kinh tế vĩ mô	3	45	2	30	1	30
6	030101830	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	2	30	1	15	1	30
7	0301001030	Giáo dục thể chất 3**	1	15			1	30
	Cộng		16+1	255	13	195	4	120

HỌC KỲ 4

1	030100687	Thuế	2	30	1	15	1	30
2	030101080	Toán kinh tế	3	45	2	30	1	30
3	030100390	Phân tích định lượng trong kinh doanh	3	45	2	30	1	30
4	030101827	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	30	2	30		
5	030100233	Kinh tế quốc tế	3	45	2	30	1	30
6	030101619	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	45	3	45		

7	030100335	Nghiên cứu Marketing	3	45	2	30	1	30
Cộng			19	300	14	210	5	150
HỌC KỲ 5								
Phần bắt buộc			14	210				
1	0301000489	Tâm lý và hành vi khách hàng	3	45	3	45		
2	0301000665	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	2	30		
3	0301001620	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3	45	3	45		
4	0301000459	Quản trị sản xuất	3	45	2	30	1	30
5	030100493	Thanh toán quốc tế	3	45	2	30	1	30
Phần tự chọn:			5	75				
6	030100605	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	3	45	3	45		
7	030101832	Truyền thông Marketing	3	45	2	30	1	30
8	030100376	Nhượng quyền thương mại	2	30	2	30		
9	030100445	Quản trị hệ thống thông tin	2	30	1	15	1	30
10	030101847	Lý thuyết tài chính tiền tệ	2	30	2	30		
11	030100499	Thị trường tài chính	2	30	2	30		
12	030101848	Lý thuyết bảo hiểm	2	30	2	30		
Cộng			19	285				
HỌC KỲ 6								
Phần bắt buộc			16	225				
1	030100460	Quản trị tài chính	3	45	2	30	1	30
2	030101414	Quản trị Marketing	3	45	2	30	1	30
3	030100439	Quản trị chất lượng	3	45	2	30	1	30
4	030101831	Thực tập nghề nghiệp	4	60			4	120
5	030100456	Quản trị nguồn nhân lực	3	45	2	30	1	30
Phần tự chọn:			5	75				
6	030100490	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	2	30	1	15	1	30
7	030101404	Tiếp thị số (Internet Marketing)	3	45	2	30	1	30
8	030100443	Quản trị cung ứng và Logistic	2	30	1	15	1	30
9	030101186	Quản trị sự thay đổi	2	30	2	30		
10	030101833	Marketing ứng dụng	3	45	2	30	1	30
11	030100314	Marketing quốc tế	2	30	2	30		
12	030100310	Marketing du lịch	2	30	2	30		
Cộng			21	300				
HỌC KỲ 7								
Phần bắt buộc			9	135				

8	Tiếng Anh định hướng TOEIC 1		x				x	x						
9	Tiếng Anh định hướng TOEIC 2		x				x	x						
10	Tin học căn bản		x				x	x						
11	Toán cao cấp	x					x							
12	Toán kinh tế	x					x	x						
13	Thống kê kinh doanh	x					x	x						
14	Kinh tế vi mô			x			x		x		x	x	x	x
15	Kinh tế vĩ mô			x			x		x		x	x	x	x
16	Kinh tế quốc tế			x			x		x		x	x	x	x
17	Nguyên lý kế toán			x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
18	Nguyên lý Marketing			x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
19	Quản trị học			x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
20	Thuế			x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
21	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
22	Phân tích định lượng trong kinh doanh			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
23	Tiếng Anh chuyên ngành 1			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
24	Tiếng Anh chuyên ngành 2			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
25	Nghiên cứu Marketing			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
26	Tâm lý và hành vi khách hàng			x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
27	Quản trị Marketing			x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
28	Quản trị thương hiệu			x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
29	Quản trị chiến lược			x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
30	Lập và phân tích dự án			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
31	Quản trị nguồn nhân lực			x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
32	Quản trị chất lượng			x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
33	Quản trị tài chính			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
34	Quản trị sản xuất			x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
35	Thanh toán quốc tế			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
36	Thực tập nghề nghiệp			x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
37	Thực tập tốt nghiệp			x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
2. Phần tự chọn				x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
1	Quản trị bán hàng			x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
2	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo			x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
3	Nhượng quyền thương mại			x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
4	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh			x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
5	Truyền thông Marketing			x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
6	Quản trị hệ thống thông tin			x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
7	Quản trị cung ứng và Logistic			x	x	x	x		x	x	x	x	x	x

8	Quản trị sự thay đổi			x	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
9	Tiếp thị số (Internet Marketing)			x	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
10	Marketing ứng dụng			x	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
11	Marketing quốc tế			x	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
12	Marketing du lịch			x	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
13	Giao tiếp trong kinh doanh			x	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
14	Marketing công nghiệp			x	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
15	Quản trị doanh nghiệp			x	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
16	Khởi sự kinh doanh			x	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
17	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu			x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
18	Phân tích hoạt động kinh doanh			x	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
19	Quản trị rủi ro			x	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
20	Lý thuyết tài chính tiền tệ			x	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
21	Thị trường tài chính			x	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
22	Lý thuyết bảo hiểm			x	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
23	Quản trị kinh doanh quốc tế			x	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
24	Hành vi tổ chức			x	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
24	Tốt nghiệp:			x	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
24.1	Thực hiện khóa luận tốt nghiệp			x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
24.2	Thực hiện tiêu luận tốt nghiệp			x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
24.2	Học phần thay thế (sinh viên chọn 2 học phần trong những học phần tự chọn)			x	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x

9. TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

1. Triết học Mác – Lênin

Học phần Triết học Mác - Lênin bao gồm 3 chương, trình bày những tri thức cơ bản về triết học, vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử.

2. Kinh tế chính trị Mac- Lênin

Học phần gồm có 6 chương : Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác Lê- Nin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác Lê-Nin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như : Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường ; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế của Việt Nam.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Nội dung học phần gồm 7 chương : Chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội Khoa học (quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội Khoa học) ; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKKH theo mục tiêu môn học.

4. Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là môn học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới từ năm 1975 đến 2018. Giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng, vận dụng kiến thức đã học trong quá trình học tập và công tác.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

– Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.

– Tư tưởng Hồ Chí Minh về: Vấn đề dân tộc và CM giải phóng dân tộc; CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân; Văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.

6. Pháp luật đại cương

Học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận chung về nhà nước và pháp luật như: nguồn gốc nhà nước, khái niệm, bản chất nhà nước, chức năng nhà nước, hình thức nhà nước; nguồn gốc, khái niệm, bản chất, chức năng và vai trò của pháp luật, các kiểu và hình thức pháp luật; quy phạm pháp luật và hệ thống pháp luật; quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.

7. Luật kinh tế

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp luật thực định về hầu hết những vấn đề có liên quan đến hoạt động kinh doanh, như về chủ thể kinh doanh, về hợp đồng, về cơ chế giải quyết tranh chấp và về vấn đề phá sản của chủ thể kinh doanh. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giải quyết các tình huống pháp luật trong thực tế. Học phần đề cập những nội dung chính bao gồm: Những khái niệm cơ bản của pháp luật thực định điều chỉnh các hoạt động kinh doanh như địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh, chế định hợp đồng, cơ chế giải quyết tranh chấp và vấn đề phá sản.

8. Tiếng Anh định hướng Toeic 1

BIAN

Học phần giúp cho người học ôn lại kiến thức cơ bản về ngữ pháp, sử dụng được trong giao tiếp hàng ngày cũng như một số từ vựng tiếng Anh thương mại, các kỹ năng nghe – nói – đọc - viết ở trình độ sơ cấp, các kỹ năng phụ như từ vựng, phát âm.

9. Tiếng Anh định hướng Toeic 2

Học phần giúp cho người học ôn lại kiến thức cơ bản về ngữ pháp, sử dụng được trong giao tiếp hàng ngày cũng như một số từ vựng tiếng Anh thương mại, các kỹ năng nghe – nói – đọc - viết ở trình độ sơ cấp, các kỹ năng phụ như từ vựng, phát âm, giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi Toeic quốc tế.

10. Tin học căn bản

Học phần này tập trung vào 3 nội dung chính: Tin học cơ bản, Microsoft Word, Microsoft Excel.

Ở mỗi nội dung, cùng với việc củng cố và nâng cao các kiến thức lý thuyết phần thực hành cũng được chú trọng để sinh viên rèn luyện các kỹ năng và sử dụng các phần mềm ứng dụng một cách thành thục để soạn thảo văn bản cũng như thiết lập bảng tính điện tử

Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản làm việc trên máy tính. Cấu trúc chương trình được biên soạn hướng đến chuẩn trình độ chứng chỉ A Tin học của Bộ GD&ĐT.

Qua chương trình học, sinh viên hiểu và có khả năng làm việc cơ bản trên máy tính đúng cách, sử dụng máy tính làm công cụ phục vụ học tập một cách hiệu quả.

Kiến thức của môn học là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các môn học khác có sử dụng máy tính.

Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.

11. Giáo dục thể chất 1 – Bóng chuyền

- Kỹ năng thực hành: Kỹ thuật đệm bóng cơ bản và nâng cao, chuyền bóng cơ bản và nâng cao, phát bóng cơ bản và nâng cao, kỹ thuật di chuyển cơ bản trong môn bóng chuyền, kỹ năng phán đoán và đánh bóng chuẩn xác.

- Lý thuyết: Hiểu được một số luật cơ bản và phương pháp trọng tài.

12. Giáo dục thể chất 1- Bóng đá

Học phần môn bóng đá giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Sinh viên sau khi học sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, chuyền bóng. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về luật thi đấu môn bóng đá.

13. Giáo dục thể chất 1- Cầu lông

Học phần môn cầu lông giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn cầu lông thể giới và Việt Nam. Sinh viên sau khi học xong chương trình môn cầu lông cơ bản sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật như di chuyển đơn bước và đa bước, kỹ thuật giao cầu trái tay, kỹ thuật phòng thủ cơ bản... Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về luật thi đấu môn cầu lông.

14. Giáo dục thể chất 2 – Bóng chuyền

- Kỹ năng thực hành: Phát triển hoàn thiện kỹ thuật đập bóng cơ bản, hình thức thi đấu, khả năng tổ chức và điều hành trận đấu.

- Lý thuyết: Hiểu được một số luật cơ bản và phương pháp trọng tài.

15. Giáo dục thể chất 2- Bóng đá

Học phần môn bóng đá giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Sinh viên sau khi học sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, ném biên. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về chiến thuật thi đấu và phương pháp tổ chức thi đấu môn bóng đá.

16. Giáo dục thể chất 2- Cầu lông

Học phần môn cầu lông giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn cầu lông thể giới và Việt Nam. Sinh viên sau khi học xong chương trình môn cầu lông nâng cao 2 sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật đã học đồng thời hoàn thiện các kỹ thuật đó và có thể thi đấu nâng cao trình độ kỹ thuật. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức rõ hơn về luật thi đấu môn cầu lông.

17. Giáo dục thể chất 3 – Bóng chuyền

- Kỹ năng thực hành: Phát triển hoàn thiện kỹ thuật đập bóng cơ bản, hình thức thi đấu, khả năng tổ chức và điều hành trận đấu.

- Lý thuyết: Hiểu được một số luật cơ bản và phương pháp trọng tài.

18. Giáo dục thể chất 3- Bóng đá

Học phần môn bóng đá giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Sinh viên sau khi học sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, ném biên. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về chiến thuật thi đấu và phương pháp tổ chức thi đấu môn bóng đá.

19. Giáo dục thể chất 3- Cầu lông

Học phần môn cầu lông giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn cầu lông thế giới và Việt Nam. Sinh viên sau khi học xong chương trình môn cầu lông nâng cao 2 sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật đã học đồng thời hoàn thiện các kỹ thuật đó và có thể thi đấu nâng cao trình độ kỹ thuật. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức rõ hơn về luật thi đấu môn cầu lông.

20. Giáo dục quốc phòng

Giáo dục hiểu rõ nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc xây dựng nền quốc phòng toàn dân là một trong hai nhiệm vụ chiến lược của nước ta hiện nay, về chiến lược “điễn biến hoà bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Một số vấn đề tư duy lý luận trong đường lối quân sự của Đảng. Một số nội dung cơ bản về công tác quốc phòng, về nghệ thuật quân sự Việt Nam, thực hành một số kỹ năng quân sự cần thiết về kỹ thuật và chiến thuật. Rèn luyện tác phong, nếp sống tập thể có kỷ luật

21. Toán cao cấp

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về: Đại số tuyến tính như ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, phương trình ma trận; giới hạn; đạo hàm của hàm số một biến số; tính tích phân xác định, tích phân suy rộng; hàm số hai biến số; giải các phương trình vi phân. Ở mỗi nội dung sinh viên cần biết cách tính, phương pháp giải và ứng dụng vào giải quyết các bài toán thực tế trong các ngành nông lâm nghiệp và trong đời sống kinh tế.

22. Toán kinh tế

Học phần Toán kinh tế có vai trò rất quan trọng trong thực tiễn quản lý kinh tế. Khi nghiên cứu học phần này sinh viên được trang bị những kiến thức liên quan đến việc lập mô hình và tìm phương án tối ưu cho bài toán quy hoạch tuyến tính, đồng thời biết cách ứng dụng bài toán vận tải trong bố trí công nhân sản xuất, điều tiết xe không tải. Bên cạnh đó, sinh viên còn biết lập sơ đồ mạng, sắp xếp thời gian để quản lý công việc đối với những dự án phức tạp. Ngoài ra, nắm vững kiến thức Toán kinh tế còn là cơ sở quan trọng giúp sinh viên học tốt học phần Quản trị sản xuất sau này.

23. Thống kê kinh doanh

Học phần Xác suất và thống kê (Kinh doanh) được tổ chức giảng dạy theo 3 phần kiến thức: (1) Tổng quan Xác suất, (2) Thống kê mô tả, (3) Thống kê suy luận. Trên cơ sở thông đạt kiến thức 3 phần trên, cung cấp sinh viên kiến thức thống kê tổng quát, phương pháp điều tra thống kê một cách có hệ thống. Rèn luyện tư duy khoa học. Trang bị các phương pháp các phương pháp phân tích kinh tế - xã hội. Giới thiệu một vài phần mềm xử lý số liệu (Excel, SPSS).

24. Kinh tế vi mô

Kinh tế vi mô là môn học kinh tế học căn bản cung cấp cho học sinh kiến thức đại cương về lý luận và phương pháp kinh tế trong lựa chọn để giải quyết ba vấn đề kinh tế cơ bản của một nền kinh tế: sản xuất cái gì? sản xuất như thế nào? và sản xuất cho ai? Môn học khởi đầu với sự nghiên cứu về những cơ sở của cung cầu: vấn đề tiêu dùng cá nhân, đặc tính cầu cá nhân và từ đó suy ra cầu của thị trường. Nội dung tiếp theo là nghiên cứu về đặc điểm của sản xuất, chi phí, lợi nhuận. Các lựa chọn tối ưu hoá lợi nhuận của doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo và thị trường độc quyền. Phần cuối của môn học giới thiệu những vấn đề thất bại của thị trường, thông tin và vai trò của chính phủ.

25. Kinh tế vĩ mô

Môn kinh tế vĩ mô nghiên cứu nền kinh tế như một tổng thể. Những vấn đề kinh tế vĩ mô đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống của các hộ gia đình, các doanh nghiệp, chính phủ các cấp cũng như các mối quan hệ quốc tế. Học phần này sẽ mô tả các biến kinh tế vĩ mô như GDP, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá, tiêu dùng, đầu tư, tiết kiệm. Thêm nữa, trong học phần này chúng tôi cũng giới thiệu các mô hình kinh tế vĩ mô đơn giản để giải thích mối quan hệ giữa các chỉ tiêu vĩ mô nói trên. Nội dung bao gồm cả tăng trưởng kinh tế dài hạn và dao động sản lượng trong ngắn hạn. Chính sách kinh tế vĩ mô cũng được trình bày ở mức độ giới thiệu trong học phần này.

26. Kinh tế quốc tế

Sinh viên sẽ được trang bị kiến thức về lý thuyết lợi thế tuyệt đối của Adam Smith, lợi thế so sánh của D. Ricardo và của Heckscher-Ohlin, về các lý thuyết thương mại quốc tế hiện đại, về mối quan hệ giữa thương mại và phân phối thu nhập, giữa thương mại, tăng trưởng và phát triển kinh tế. Sinh viên cũng sẽ được trang bị kiến thức về di chuyển các yếu tố sản xuất như vốn và lao động trên qui mô quốc tế, các công cụ, chính sách sử dụng trong thương mại quốc tế. Giới thiệu những định chế kinh tế mà Việt Nam tham gia.

27. Nguyên lý kế toán

Nguyên lý kế toán trang bị nền tảng kiến thức cơ bản về kế toán để sinh viên đọc và hiểu được thông tin kế toán, phục vụ cho việc ra các quyết định về quản lý, tài chính... Đối với sinh viên chuyên ngành kế toán, Nguyên Lý Kế Toán là cơ sở để tiếp thu các môn học kế toán chuyên ngành, những môn học sẽ cung cấp các kiến thức và kỹ năng để sinh viên trở thành một kế toán viên trong tương lai.

28. Nguyên lý Marketing

Marketing căn bản trình bày những kiến thức căn bản về Marketing. Các khái niệm: thị trường, sản phẩm, giá, phân phối, chiêu thị, ý nghĩa, mục tiêu, vai trò, nội dung của chúng trong Marketing. Các bước nghiên cứu thị trường, phân tích các cơ hội thị

trường, phân khúc thị trường, chọn thị trường mục tiêu cho phù hợp với mục tiêu và nguồn lực của doanh nghiệp. Giải thích quá trình quyết định mua hàng của người tiêu dùng và các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng. Qua đó thực hiện các chiến lược Marketing hỗn hợp gồm: chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, chiến lược phân phối và chiến lược chiêu thị

29. Quản trị học

Học phần cung cấp những khái quát chung về quản trị, sự phát triển các tư tưởng quản trị, quyết định quản trị và nội dung các chức năng của quản trị như: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát. Học phần này là cơ sở, tiền quyết để SV học các môn chuyên ngành quản trị kinh doanh.

30. Thuế

Môn học này giới thiệu cho sinh viên hệ thống thuế của Việt Nam, trình bày những kiến thức cơ bản về thuế trên góc độ lý thuyết (kinh tế, chính trị và pháp lý), hướng dẫn sinh viên phương pháp tính thuế và thảo luận các vấn đề liên quan đến thuế đối với cá nhân, doanh nghiệp và xã hội. Học xong môn này, sinh viên có thể: (i) Hiểu cơ sở lý thuyết cơ bản của một hệ thống thuế nội địa hiện đại (modern domestic tax system); (ii) Giải thích việc sử dụng các loại thuế khác nhau để tạo nên hệ thống thuế Việt Nam, tham khảo thêm một số loại thuế tương tự ở các quốc gia khác; (iii) Biết cách tính được tiền thuế phải nộp trong từng tình huống cụ thể; (iv) Áp dụng được những quy định của luật thuế vào đời sống thực tế; (v) Mô tả được ảnh hưởng của thuế đến việc ra quyết định đối với cá nhân và doanh nghiệp; (vi) Đánh giá tác động xã hội rộng lớn hơn của các loại thuế và chính sách tài khóa.

31. Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học được tổ chức giảng dạy theo 3 phần kiến thức: (1) tổng quan về phương pháp nghiên cứu khoa học, (2) nghiên cứu định tính, (3) nghiên cứu định lượng, (4) vận dụng nghiên cứu khoa học vào thực tế.

32. Phân tích định lượng trong kinh doanh

Định hướng của môn học này là ứng dụng không đi theo hướng sâu về lý thuyết. Môn học giới thiệu một số kỹ thuật cơ bản trong việc sử dụng kinh tế lượng trong nghiên cứu và phân tích kinh tế và kinh doanh. Kỹ thuật hồi qui theo phương pháp ước lượng bình phương bé nhất (Ordinary Least Squares-OLS) sẽ được khảo sát kỹ lưỡng. Hàm ước lượng bình phương bé nhất sẽ được xây dựng. Mô hình hồi qui hai biến và đa biến sẽ được nghiên cứu và cách sử dụng chúng trong thực tế. Tiếp đó, các trường hợp vi phạm các giả thiết cơ bản của mô hình sẽ được khảo sát. Cách phát hiện và biện pháp khắc phục. Cuối cùng, một số chủ đề nâng cao trong kinh tế lượng như biến giả (Dummy Variables), và dạng hàm toán học (functional form), sẽ được trình bày nhằm giới thiệu

với sinh viên một số kỹ thuật thông dụng hữu ích trong việc xây dựng các mô hình kinh tế lượng ứng dụng.

33. Tiếng Anh chuyên ngành 1

Nội dung của học phần này gồm nhiều chủ đề được chọn phù hợp với chuyên ngành. Trình bày những nội dung có liên quan đến nghề nghiệp, quản trị nhân sự, quản trị bán hàng và Marketing. Ngoài ra, học phần còn cung cấp những kiến thức cơ bản cách thức giao tiếp bằng thư tín tiếng Anh trong kinh doanh.

34. Tiếng Anh chuyên ngành 2

Nội dung của học phần này gồm nhiều chủ đề được chọn phù hợp với chuyên ngành. Trình bày những nội dung có liên quan đến tài chính, kế toán, các chứng từ trong mua bán quốc tế, những qui tắc trong kinh doanh mua bán quốc tế, nội dung và hình thức của một hợp đồng ngoại thương, một thư chào hàng báo giá và thư hỏi hàng.

35. Nghiên cứu Marketing

Học phần nghiên cứu marketing được tổ chức giảng dạy theo 3 phần kiến thức: (1) tổng quan về nghiên cứu marketing, (2) thiết kế - thực hiện nghiên cứu định tính trong lĩnh vực marketing, (3) thiết kế - thực hiện nghiên cứu định lượng trong lĩnh vực marketing.

36. Tâm lý và hành vi khách hàng

Học phần Tâm lý và hành vi khách hàng được tổ chức giảng dạy theo 3 phần kiến thức: (1) tổng quan về hành vi khách hàng, (2) hành vi mua của người tiêu dùng, (3) hành vi mua của tổ chức. Trên cơ sở thấu hiểu các nội dung của học phần, học viên vận dụng để giải quyết các tình huống thực tế của doanh nghiệp.

37. Quản trị Marketing

Học phần Quản trị Marketing được tổ chức giảng dạy theo 3 phần kiến thức: (1) tổng quan về quản trị marketing và các công việc chính của giám đốc Marketing, (2) hoạch định chiến lược, kế hoạch, chương trình marketing, (3) tổ chức thực hiện và kiểm tra các hoạt động marketing. Trên cơ sở thông đạt kiến thức 3 phần trên, vận dụng để giải quyết các tình huống liên quan nhằm định hướng ứng dụng marketing vào thực tế, môi trường doanh nghiệp, nhằm góp phần giải quyết các vấn đề liên quan đến nhu cầu khách hàng, tâm lý – hành vi tiêu dùng, sự hài lòng khách hàng và khả năng cạnh tranh với đối thủ.

quan đến quản lý chất lượng tại doanh nghiệp.

38. Quản trị thương hiệu

Học phần Quản trị thương hiệu được tổ chức giảng dạy theo 3 phần kiến thức: (1) tổng quan về quản trị thương hiệu, (2) hoạch định chiến lược, kế hoạch, chương trình xây dựng và phát triển thương hiệu, (3) tổ chức thực hiện và kiểm tra các hoạt động thương hiệu. Trên cơ sở thông đạt kiến thức 3 phần trên, vận dụng để giải quyết các tình huống liên quan nhằm định hướng ứng dụng xây dựng và phát triển thương hiệu vào thực tế, môi trường doanh nghiệp.

39. Quản trị chiến lược

Học phần Quản trị chiến lược được tổ chức giảng dạy theo 5 phần kiến thức: (1) tổng quan về quản trị chiến lược, (2) phân tích môi trường kinh doanh của doanh nghiệp, (3) hoạch định và lựa chọn chiến lược, (4) thực hiện chiến lược, (5) kiểm tra, đánh giá chiến lược. Trên cơ sở thấu hiểu các nội dung của học phần, học viên vận dụng để giải quyết các tình huống thực tế của doanh nghiệp.

40. Lập và phân tích dự án

Học phần Thiết lập & Thẩm định dự án đầu tư được tổ chức giảng dạy theo các phần kiến thức: (1) Tổng quan về đầu tư, dự án đầu tư và Các vấn đề về thiết lập một dự án, (2) Nghiên cứu thị trường của dự án, (3) Nghiên cứu kỹ thuật của dự án (4) Tổ chức nhân sự và quản trị của dự án (5) Phân tích tài chính của dự án (6) Phân tích hiệu quả kinh tế xã hội của dự án (7) Các vấn đề về tổ chức thẩm định dự án đầu tư. (8) Bài tập lớn cho thiết lập & thẩm định dự án đầu tư.

41. Quản trị nhân sự

Học phần quản trị nhân sự được tổ chức giảng dạy theo 3 phần kiến thức: (1) Tổng quan quản trị nhân lực trong một tổ chức, (2) Tuyển dụng, đào tạo phát triển, (3) Tiền lương và các hình thức tạo động lực làm việc. Trên cơ sở thông đạt kiến thức 3 phần trên, cung cấp sinh viên kiến thức cơ bản về quản trị nguồn nhân lực trong một tổ chức, sinh viên có khả năng vận dụng vào thực tiễn quản trị tại doanh nghiệp.

42. Quản trị chất lượng

Học phần được tổ chức giảng dạy theo 5 phần kiến thức: (1) Tổng quan về chất lượng, (2) Quản lý chất lượng, (3) Quản lý chất lượng toàn diện (TQM), (4) Phương pháp 6 Sigma, (5) Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000. Trên cơ sở thông đạt kiến thức 5 phần trên, vận dụng để giải quyết các tình huống liên quan nhằm định hướng ứng dụng bài học vào thực tế môi trường doanh nghiệp, nhằm góp phần giải quyết các vấn đề liên.

43. Quản trị tài chính

Trình bày những vấn đề có liên quan đến tổng quan về quản trị tài chính và những quyết định liên quan đến việc đầu tư dài hạn trong doanh nghiệp

Đối với phần tổng quan sinh viên sẽ được nghiên cứu những khái niệm liên quan đến một hoạt động trong công tác quản lý doanh nghiệp – quản trị tài chính; những nhân tố tác động đến các quyết định quản trị tài chính: môi trường vĩ mô, vi mô, biến động của tiền tệ theo thời gian, những ảnh hưởng của lợi nhuận và rủi ro trong việc ra quyết định

Đối với phần quyết định đầu tư dài hạn trong doanh nghiệp. Đây là một trong ba quyết định quan trọng nhất của công tác quản trị tài chính và là quyết định tạo ra giá trị cho doanh nghiệp. Ở phần này chúng ta sẽ nghiên cứu những cơ sở của việc ra quyết định đầu tư dài hạn, cách thiết lập dòng ngân lưu, tính toán suất chiết khấu và những vấn đề thường gặp phải khi xây dựng dòng tiền trong thực tiễn

44. Quản trị sản xuất

Môn học cung cấp kiến thức liên quan tới quản trị sản xuất và điều hành trong các doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ. Nội dung quản trị sản xuất là quản trị quá trình tạo ra sản phẩm dịch vụ, quản trị quá trình chuyển hóa các nguồn lực đầu vào bao gồm những vấn đề cơ bản như: công nghệ, công suất, máy móc thiết bị, địa điểm doanh nghiệp, mặt bằng sản xuất, con người, vật tư, lịch trình sản xuất, tồn kho; sử dụng các nguồn lực này một cách tối ưu để đạt được mục tiêu hệ thống sản xuất.

45. Thanh toán quốc tế

Nội dung chính của học phần Thanh Toán Quốc Tế trình bày những vấn đề có liên quan đến tỷ giá hối đoái, các nghiệp vụ hối đoái trên thị trường hối đoái, các phương tiện thanh toán quốc tế, các phương thức thanh toán quốc tế và các chứng từ chủ yếu trong thanh toán quốc tế

46. Thực tập nghề nghiệp

Thực tập nghề nghiệp được tổ chức theo 6 phần kiến thức: (1) Tư vấn chọn đề tài thực tập, phân công giảng viên hướng dẫn; (2) Quy định chung về hình thức trình bày chuyên đề; (3) Quy định về trình bày nội dung; (4) Quy định về ghi trích dẫn và tài liệu tham khảo; (5) Nội dung chuyên đề thực tập; (6) Báo cáo kết quả thực tập.

47. Quản trị bán hàng

Nội dung của môn học bao gồm Tổng quan về bán hàng và quản trị bán hàng; Xây dựng kế hoạch bán hàng; Kỹ thuật bán hàng và chăm sóc khách hàng; Thiết kế và tổ chức lực lượng bán hàng trong doanh nghiệp; Quản trị đội ngũ bán hàng và phân tích đánh giá kết quả bán hàng.

48. Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo

Học phần được tổ chức giảng dạy theo 5 phần kiến thức: (1) Lãnh đạo và quản lý, (2) Nhà lãnh đạo, (3) Nghệ thuật lãnh đạo, (4) Phong cách lãnh đạo, (5) Nghệ thuật dùng người.

Trên cơ sở thông đạt kiến thức 5 phần trên, vận dụng để giải quyết các tình huống liên quan nhằm định hướng ứng dụng bài học vào thực tế môi trường doanh nghiệp, nhằm góp phần nâng cao khả năng lãnh đạo của người học.

49. Nhượng quyền thương mại

Một lĩnh vực mới mẻ nhưng đầy tiềm năng phát triển đã xuất hiện tại Việt Nam và đang ngày càng phát triển đó là hình thức kinh doanh nhượng quyền thương mại. Nhượng quyền thương mại là cách để tăng sức mạnh cho các thương hiệu Việt Nam và cũng chính là cách tốt nhất để quảng bá cũng như tạo nội lực cho thương hiệu đó và cũng là một việc làm khôn ngoan cho các doanh nghiệp Việt Nam trong thời kì hội nhập.

50. Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh

Học phần được tổ chức giảng dạy theo 5 phần kiến thức: (1) Đạo đức và vấn đề đạo đức trong kinh doanh, (2) Các triết lý đạo đức trong kinh doanh, (3) Phương pháp và công cụ phân tích hành vi đạo đức trong kinh doanh, (4) Văn hóa doanh nghiệp, (5) Tạo lập bản sắc văn hóa doanh nghiệp.

Trên cơ sở thông đạt kiến thức 5 phần trên, vận dụng để giải quyết các tình huống liên quan nhằm định hướng ứng dụng bài học vào thực tế môi trường doanh nghiệp, nhằm góp phần giải quyết các vấn đề liên quan đến đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội và văn hóa của doanh nghiệp.

51. Truyền thông Marketing

Ngày nay truyền thông thực sự đã trở thành một nghề kinh doanh, đồng thời là một công cụ trọng yếu của Marketing. Truyền thông Marketing là môn học quan trọng của chương trình đào tạo chuyên sâu ngành Quản trị Marketing. Học phần Truyền thông Marketing được tổ chức giảng dạy theo 5 chương: (1) Tổng quan về Truyền thông; (2) Xác định mục tiêu truyền thông và ngân sách truyền thông; (3) Kỹ thuật lựa chọn phương tiện truyền thông; (4) Kỹ thuật thiết kế thông điệp truyền thông; (5) Kỹ thuật tổ chức thực hiện và đánh giá hiệu quả truyền thông.

52. Quản trị hệ thống thông tin

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về tổ chức thông tin và hệ thống thông tin; Cơ sở công nghệ thông tin của hệ thống thông tin; Phân tích, thiết kế cài đặt hệ thống thông tin; Hệ thống thông tin phục vụ quản lý doanh nghiệp.

53. Quản trị cung ứng và Logistic

Học phần Quản trị chuỗi cung ứng & logistics được tổ chức giảng dạy theo 2 phần kiến thức. Bên cạnh nội dung kiến thức giảng dạy, sinh viên được tổ chức các buổi thảo luận trên lớp với các chủ đề thực tiễn và tham gia thuyết trình nhóm.

54. Quản trị sự thay đổi

Môn học này là học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp. Môn học trang bị cho người học những kiến thức cần thiết về sự thay đổi như: hình thức thay đổi, loại thay đổi những áp lực khiến cho tổ chức phải thay đổi... Người học cũng được cung cấp các kiến thức về những mô hình quản trị sự thay đổi, quy trình quản trị sự thay đổi, những phản ứng của các cá nhân trong tổ chức trước những thay đổi. Từ đó, người học sẽ có thể vận dụng các kiến thức về quản trị sự thay đổi để lập được kế hoạch cho sự thay đổi, theo dõi, kiểm soát quá trình thay đổi, đưa ra những biện pháp xử lý những phản ứng của con người trước thay đổi trong tổ chức để đảm bảo hiệu quả cho tổ chức trong quá trình thay đổi. Môn học cũng giúp cho người học nhận thức được tầm quan trọng của việc quản trị sự thay đổi từ đó có thái độ tích cực hơn với những thay đổi trong cuộc sống.

55. Tiếp thị số (Internet Marketing)

Học phần tập trung vào phân tích hoạt động truyền thông Marketing với các công cụ truyền thông mới như: marketing qua công cụ tìm kiếm, marketing qua mạng xã hội, email marketing, mobile marketing.... Qua đó, sinh viên sinh viên có khả năng nhận biết được các công cụ Digital marketing để vận dụng vào quá trình lập kế hoạch truyền thông marketing. Đồng thời có thể đọc và phân tích các số liệu tương ứng với từng công cụ trong việc đo lường hiệu quả của hoạt động

56. Marketing ứng dụng

Học phần Marketing ứng dụng được tổ chức giảng dạy theo 4 phần kiến thức: (1) Marketing trong công nghiệp, (2) Marketing trong nông nghiệp, (3) Marketing dịch vụ, (4) Marketing thương mại. Học phần nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng thực hiện các hoạt động ở lĩnh vực marketing trong doanh nghiệp. Các hoạt động của học phần cũng hướng đến định hình tố chất năng động, chịu khó và sáng tạo cho sinh viên ngành Marketing.

57. Marketing quốc tế

Môn học Marketing quốc tế giới thiệu nghệ thuật kinh doanh trên thị trường quốc tế.

Nội dung bao gồm: Bản chất, tầm quan trọng và sự cần thiết của hoạt động Marketing quốc tế.

Môi trường Marketing quốc tế, các phương thức thâm nhập thị trường quốc tế. Trên cơ sở hiểu biết sâu sắc thị trường quốc tế, sẽ xây dựng và triển khai hệ thống MKT hỗn hợp phục vụ cho việc thực hiện mục tiêu của công ty.

58. Marketing du lịch

Học phần cung cấp cho người học: những kiến thức về các loại hình du lịch và thị trường du lịch; các yếu tố môi trường tác động đến du lịch cùng như các ảnh hưởng của du lịch đến kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và môi trường; kỹ năng đánh giá TTDL để xây dựng được kế hoạch chiến lược lâu dài trong du lịch

59. Giao tiếp trong kinh doanh

Học phần được tổ chức giảng dạy theo 6 phần kiến thức: (1) Khái quát chung về giao tiếp kinh doanh, (2) Kỹ năng nghe hiểu, (3) Kỹ năng thuyết trình, (4) Kỹ năng viết, (5) Giao tiếp phi ngôn ngữ, (6) Kỹ năng đàm phán. Trên cơ sở thông đạt kiến thức 6 phần trên, vận dụng để giải quyết các tình huống liên quan nhằm định hướng ứng dụng bài học vào thực tế môi trường doanh nghiệp, nhằm góp phần định hướng, nâng cao kỹ năng giao tiếp, đàm phán kinh doanh cho người học.

60. Marketing công nghiệp

Học phần Marketing công nghiệp nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng thực hiện hoạt động marketing trong lĩnh vực công nghiệp và được tổ chức giảng dạy theo 4 phần kiến thức: (1) Tổng quan về marketing công nghiệp, (2) Hành vi mua của khách hàng công nghiệp, (3) Phân khúc - Lựa chọn thị trường mục tiêu - Định vị trong thị trường công nghiệp, (4) Marketing hỗn hợp trong ngành công nghiệp.

61. Quản trị doanh nghiệp

Học phần Quản trị doanh nghiệp được tổ chức giảng dạy theo 3 phần kiến thức: (1) Tổng quan về doanh nghiệp, (2) Môi trường hoạt động của doanh nghiệp, (3) Quản trị các hoạt động trong doanh nghiệp. Trên cơ sở thấu hiểu các nội dung của học phần, học viên vận dụng để giải quyết các tình huống thực tế của doanh nghiệp.

62. Khởi sự kinh doanh

Học phần gồm 3 chương: Nội dung của môn học tập trung vào những kiến thức tổng quan về sáng tạo, đổi mới và hình thành ý tưởng khởi nghiệp, lựa chọn loại hình sở hữu doanh nghiệp, hiểu biết cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ. Thêm vào đó, sinh viên còn được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về thị trường như đánh giá thế mạnh, yếu, cơ hội, thách thức rủi ro từ ý tưởng kinh doanh, phát hiện tiềm năng kinh doanh và lập kế hoạch khởi nghiệp. Quan trọng hơn, sinh viên có cơ hội được chia sẻ kinh nghiệm khởi nghiệp từ các doanh nhân thành đạt và/hoặc tham quan mô hình khởi nghiệp thành công.

63. Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu

Môn học cung cấp kiến thức liên quan về các nghiệp vụ trong kinh doanh xuất nhập khẩu và thực hành thuần thục các nghiệp vụ trong hoạt động xuất nhập khẩu, cách giải các bài toán trong kinh doanh ngoại thương để ra các quyết định kinh doanh đúng đắn nhằm mang lại hiệu quả kinh doanh cho công ty.

64. Phân tích hoạt động trong kinh doanh

Môn học cũng cung cấp các phương pháp phân tích thường được sử dụng để người học vận dụng vào từng đối tượng phân tích cụ thể bao gồm các chỉ tiêu phản ánh (1) kết quả kinh doanh như doanh thu, chi phí, tình hình tiêu thụ và lợi nhuận (2) Nguồn lực của Doanh nghiệp (3) Môi trường kinh doanh của Doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, sinh viên vận dụng giải quyết các tình huống thực tế của doanh nghiệp.

65. Quản trị rủi ro

Quản trị rủi ro là môn học nghiên cứu hoạt động quản trị các rủi ro trong doanh nghiệp, trong các ngân hàng. Đây là môn học giúp sinh viên hiểu được kiến thức và vận dụng tốt các kỹ năng cơ bản về quản trị rủi ro, phân tích và nhận dạng được các loại rủi ro đặc thù đối với mỗi doanh nghiệp, đo lường được mức độ ảnh hưởng của rủi ro đối với doanh nghiệp trên cơ sở đó xây dựng được các chương trình hành động nhằm kiểm soát rủi ro và lựa chọn phương án tài trợ thích hợp cho từng loại rủi ro.

66. Lý thuyết tài chính tiền tệ

Môn học cung cấp kiến thức liên quan tới lý thuyết về tiền tệ, kiến thức cơ bản và nguyên tắc cơ bản, nội dung chính các hiệp định của tổ chức thương mại thế giới liên quan đến việc thiết lập và điều hành chính sách thương mại quốc tế của chính phủ, chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế.

67. Thị trường tài chính

Cung cấp kiến thức tổng quan về cơ chế hoạt động, các bộ phận cấu thành của thị trường tài chính. Đặc biệt chú trọng đến thị trường chứng khoán là nơi cung cấp vốn dài hạn cho nền kinh tế với những tính chất ưu việt và phù hợp với nền kinh tế thị trường.

68. Lý thuyết bảo hiểm

Môn học cung cấp kiến thức liên quan tới lý thuyết về Bảo hiểm, kiến thức cơ bản và nguyên tắc cơ bản, nội dung chính hợp đồng bảo hiểm, Luật bảo hiểm của Việt nam và Quốc tế, liên quan đến việc thiết lập và điều hành chính sách bảo hiểm của chính phủ.

69. Quản trị kinh doanh quốc tế

Quản trị kinh doanh quốc tế là môn học nghiên cứu quá trình tổ chức và thực hiện các hoạt động giao dịch, kinh doanh được tiến hành giữa các doanh nghiệp của các quốc gia trong nền kinh tế toàn cầu.

70. Hành vi tổ chức

Cung cấp những kiến thức cơ sở cần thiết cho nhà quản trị dựa trên nền tảng của nghiên cứu tâm lý học, xã hội học. Giúp các nhà quản trị tương lai hiểu biết về các nguyên nhân, yếu tố tác động, cả bên trong & ngoại cảnh, dẫn đến những hành vi của các cá nhân, các nhóm trong tổ chức; học được 1 số phương pháp giải quyết những vấn đề quản lý liên quan đến con người trong tổ chức.

71. Thực tập thực tế

Học phần thực tập tốt nghiệp cuối khóa tạo tiền đề cho sinh viên ứng dụng kiến thức về kinh doanh, marketing vào thực tiễn; giúp sinh viên tham gia nghiên cứu và học hỏi kinh nghiệm giải quyết các vấn đề liên quan đến thực tiễn hoạt động marketing trong doanh nghiệp.

72. Tiểu luận tốt nghiệp

Tiểu luận tốt nghiệp được thiết kế bao gồm các nội dung:

- Chương 1: Giới thiệu về tầm quan trọng và tính cấp thiết của nghiên cứu.
- Chương 2: Tổng quan nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu
- Chương 3: Giới thiệu tổ chức, đơn vị thực tập hoặc địa bàn nghiên cứu.
- Chương 4: Trình bày kết quả nghiên cứu.
- Chương 5: Kết luận và kiến nghị

73. Khóa luận tốt nghiệp

Khóa luận tốt nghiệp được thiết kế bao gồm các nội dung:

- Chương 1: Giới thiệu về tầm quan trọng và tính cấp thiết của nghiên cứu.
- Chương 2: Tổng quan nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu
- Chương 3: Giới thiệu tổ chức, đơn vị thực tập hoặc địa bàn nghiên cứu.
- Chương 4: Trình bày kết quả nghiên cứu.
- Chương 5: Kết luận và kiến nghị

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình chi tiết đào tạo Cử nhân Quản trị kinh doanh hệ chính quy gồm 150 TC (kể cả Giáo dục quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất), trong đó có 46 TC giáo dục đại cương, 35 TC cơ sở khối ngành và ngành, 57 TC Kiến thức ngành và

chuyên ngành và 12 TC tốt nghiệp, việc triển khai chi tiết thực hiện chương trình và giám sát chất lượng chuyên môn do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo thực hiện.

- + **Phần nội dung chương trình bắt buộc:** Trường Đại học Tây Đô chỉ đạo Khoa Quản trị kinh doanh phải tổ chức thực hiện giảng dạy đủ khối lượng đã quy định.
- + **Phần nội dung chương trình tự chọn:** tùy theo số đông sinh viên lựa chọn chủ đề của phần tự chọn để học đủ số lượng theo quy định. Đối với học kỳ cuối khóa, sinh viên có thể học thêm 4 TC và làm tiểu luận nếu không làm khóa luận tốt nghiệp.
- + **Kế hoạch sắp xếp nội dung và quỹ thời gian:** Khoa Quản trị kinh doanh sẽ chủ động bố trí và điều chỉnh các học phần của các học kỳ và phải bảo đảm tính logic và tính hệ thống của chương trình đào tạo theo trình tự để sinh viên học các học phần thuộc kiến thức giáo dục đại cương trước khi học các môn chuyên ngành. Phòng Đào tạo và Khoa Quản trị kinh doanh sẽ sắp xếp chương trình và triển khai thực hiện theo chương trình chi tiết đã được duyệt.

11. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bản mô tả chương trình này đã được kiểm tra, phê duyệt và ban hành theo đúng quy trình, quy định của Trường Đại học Tây Đô./.

Cần Thơ, ngày tháng năm 20

HIỆU TRƯỞNG

P. TRƯỞNG P. ĐÀO TẠO

P. TRƯỞNG KHOA



Lê Phú Nguyễn Hải

Phùng Thị Huỳnh Mai